

## Tài liệu hướng dẫn cấu hình lắp đặt AX8000C

### MỤC LỤC

|                                                                  |           |
|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1. NGOẠI QUAN SẢN PHẨM.....</b>                               | <b>2</b>  |
| <b>1.1. Trạng thái đèn .....</b>                                 | <b>2</b>  |
| <b>1.2. Thông số interface .....</b>                             | <b>2</b>  |
| <b>1.3. Thông số hardware.....</b>                               | <b>3</b>  |
| <b>2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG.....</b>                                 | <b>3</b>  |
| <b>2.1. Cài đặt cấu hình thiết bị.....</b>                       | <b>3</b>  |
| <b>2.2. Tính năng mới trên AP AX8000C .....</b>                  | <b>13</b> |
| 2.2.1. <i>Adapt-Quản lý WiFi.....</i>                            | <i>13</i> |
| 2.2.2 <i>Tạo hồ sơ cho từng thành viên trong gia đình: .....</i> | <i>14</i> |
| 2.2.3. <i>Quản lý thời gian truy cập “Control” .....</i>         | <i>15</i> |
| 2.2.4. <i>Tính năng GUARD bảo vệ trực tuyến: .....</i>           | <i>17</i> |

## 1. NGOẠI QUAN SẢN PHẨM



Mặt trước



Mặt sau

### 1.1. Trạng thái đèn

| Đèn status       | Màu sắc    | Trạng thái                                   |
|------------------|------------|----------------------------------------------|
| <b>Sáng/nháy</b> | Xanh lá    | Thiết bị đang reboot                         |
| <b>Sáng/nháy</b> | Xanh dương | Thiết bị mất kết nối internet/mesh           |
| <b>Tắt</b>       |            | Có cắm nguồn => Thiết bị đang có kết nối NET |

### 1.2. Thông số interface

| Interface    | Băng thông  | Chức năng                             |
|--------------|-------------|---------------------------------------|
| <b>WAN</b>   | 2.5 Gbps    | Cổng uplink của thiết bị - Cổng WAN   |
| <b>LAN</b>   | 1 Gbps      | Cổng downlink của thiết bị - Cổng LAN |
| <b>USB-C</b> | DC 12V - 3A | Cổng cung cấp nguồn của thiết bị      |

### 1.3. Thông số hardware

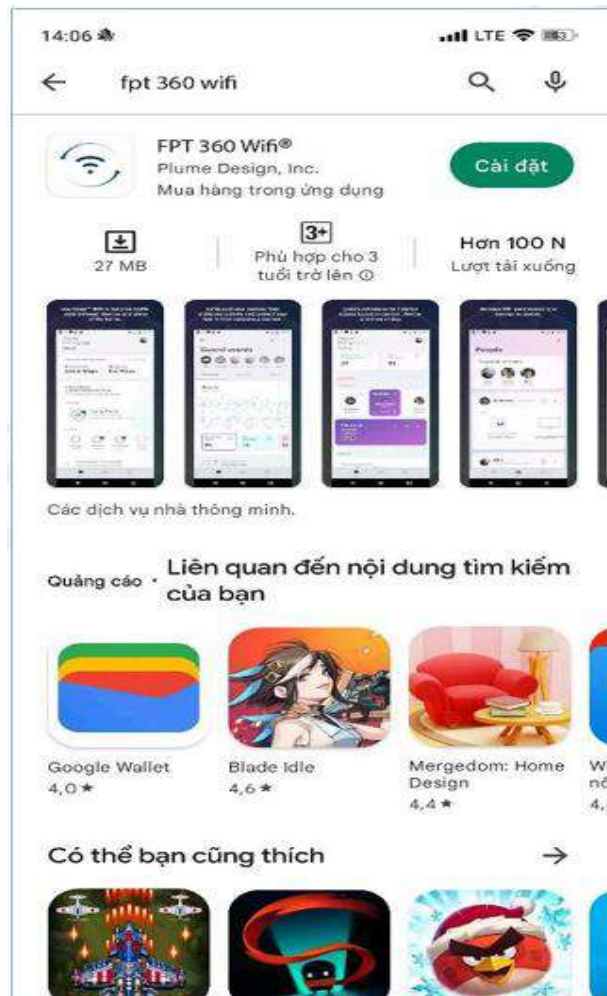
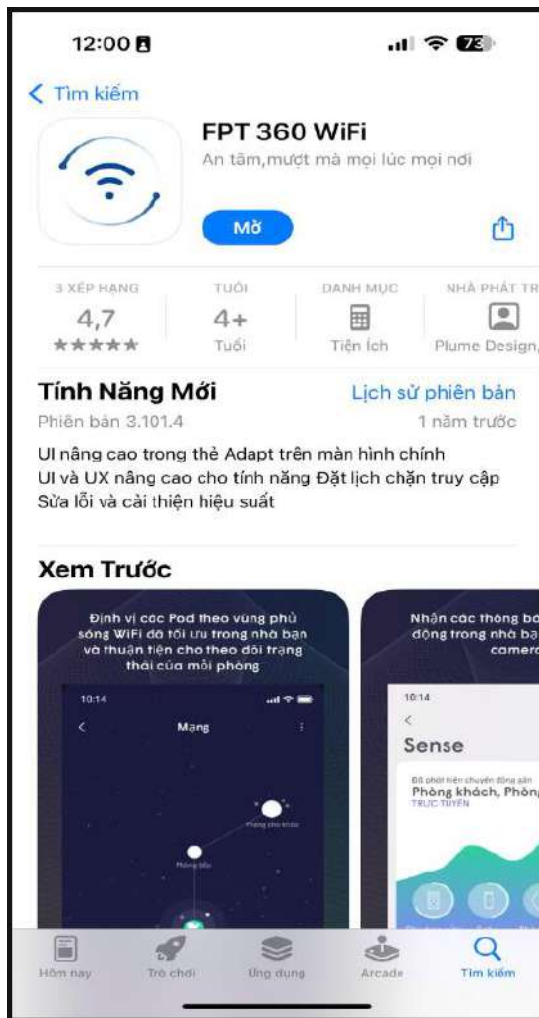
| Thông tin                         | AX8000C                    |
|-----------------------------------|----------------------------|
| CPU                               | QCA IPQ5018                |
| RAM                               | 1GB DDR3L                  |
| Flash                             | 256MB                      |
| WiFi 2.4 Ghz                      | QCA IPQ5018 (MU-MIMO 2x2)  |
| WiFi 5 Ghz                        | QCA IPQ5018 (MU-MIMO 4x4)  |
| Antenna                           | 2*2.4hz: >3dbi             |
|                                   | 2*5GHz >3dbi (low band)    |
|                                   | 4*5Ghz: >5 dbi (high band) |
| Năng lực thiết bị                 | 32 clients *2 băng tần     |
| Băng thông WiFi tối đa theo chuẩn | 7800Mbps                   |

## 2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

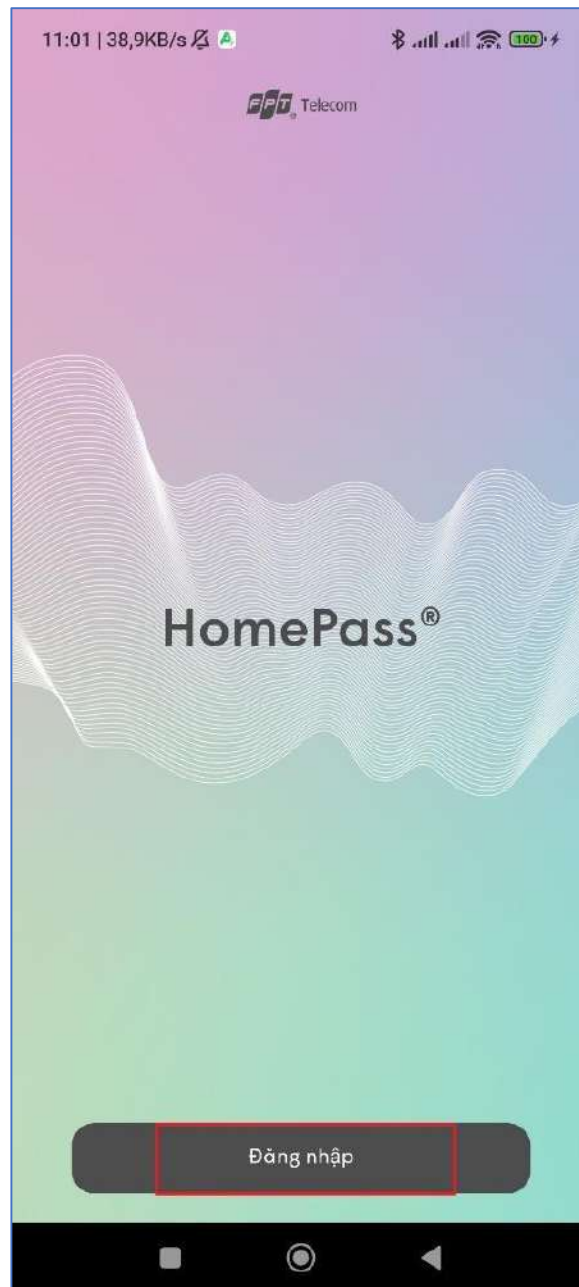
### 2.1. Cài đặt cấu hình thiết bị

**Bước 1:** Cài đặt ứng dụng FPT 360 WiFi

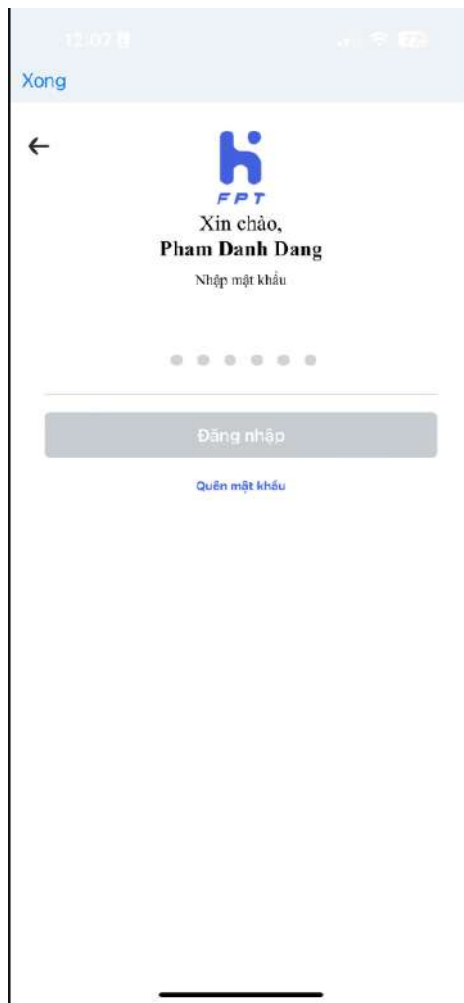
Làm theo hướng dẫn dưới đây để cài đặt ứng dụng **FPT 360 WiFi**



Sau khi tải ứng dụng và cài đặt, khởi chạy ứng dụng, nhấn chọn “**Đăng nhập**” trong trang đầu tiên để tiến hành đăng nhập và cài đặt thiết bị



**Bước 2:** Đăng nhập FPT 360 WIFI bằng tài khoản Hi FPT



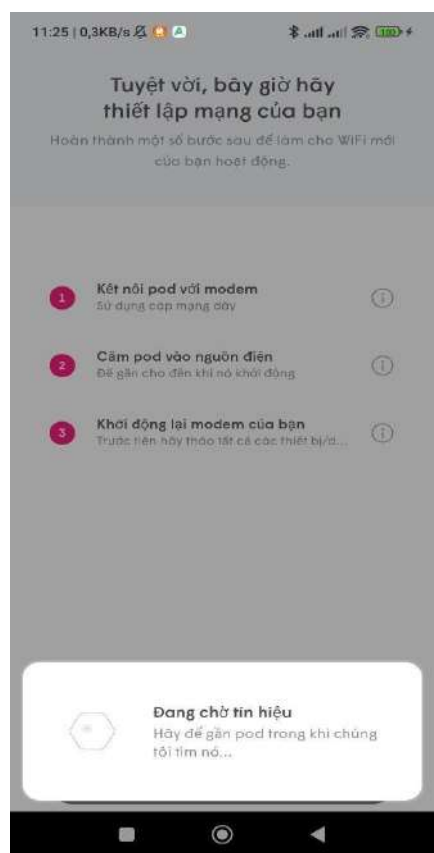
**Bước 3:** Cài đặt thiết bị của bạn:

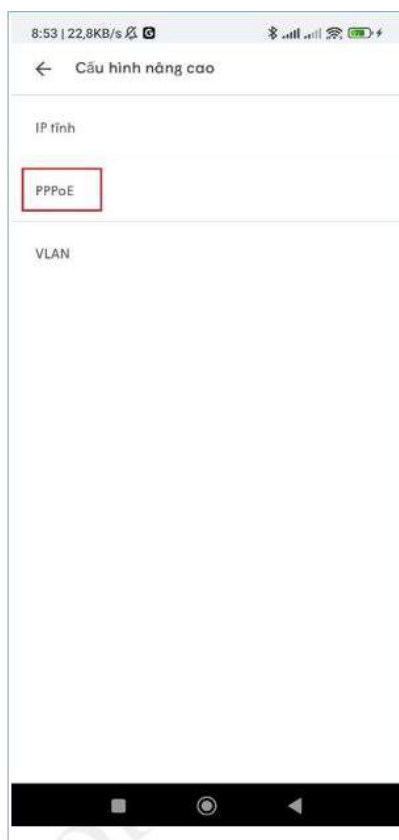
Chọn kiểu kết nối cho thiết bị của bạn:

Pod hoặc bộ mở rộng:

Kết nối thiết bị mới của bạn với Modem/Pod hiện hữu như một access point mở rộng vùng phủ WiFi trong nhà.

Vui lòng thực hiện theo các bước dưới đây:





#### Bước 4: Cấu hình mạng WiFi của bạn

Hãy nhập tên WiFi và mật khẩu WiFi mà bạn mong muốn



9:13 | 12,7KB/s

Đặt tên cho mạng của bạn

Hãy chọn tên và mật khẩu WiFi. Đừng lo lắng, rất dễ thay đổi sau này.

Chọn tên WiFi

FPT TELECOM

Chọn mật khẩu WiFi

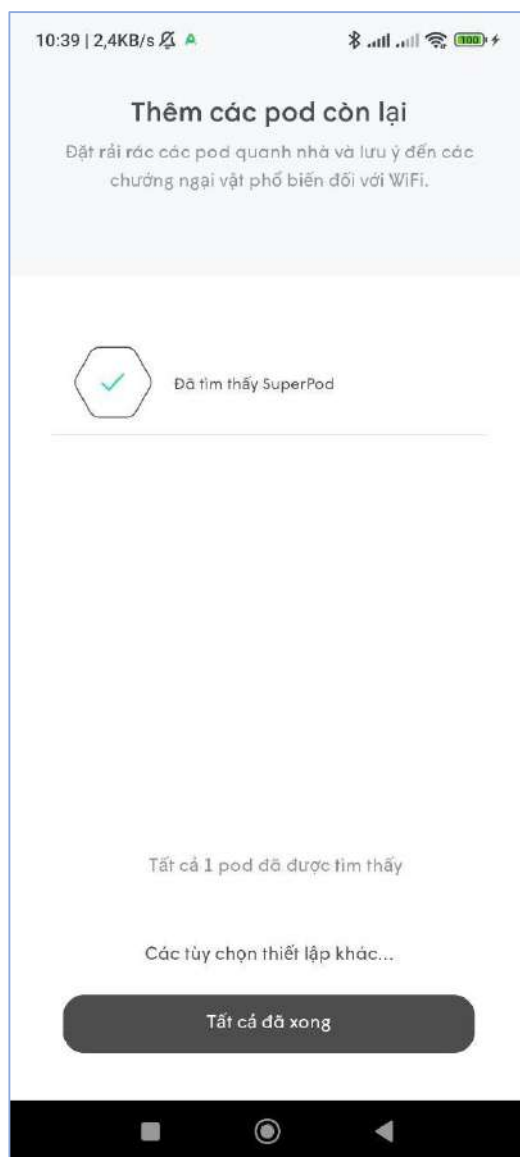
12345678

ÁN

Tiếp

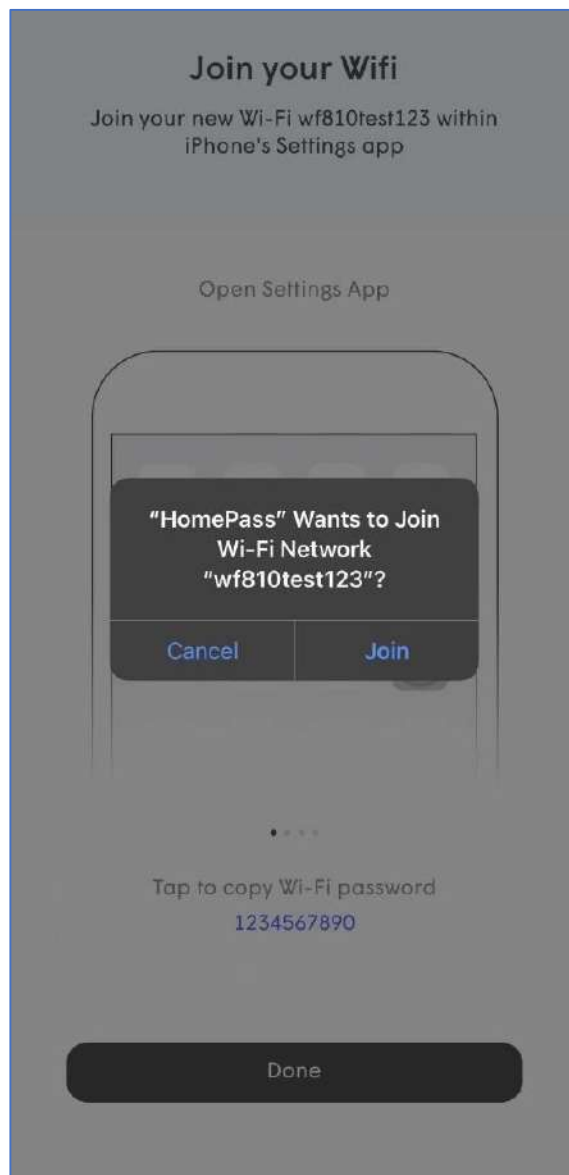
### Bước 5: Thêm các Pods có sẵn

Ứng dụng FPT 360 WiFi sẽ tự động thêm tất cả các AP AX8000C(WF-810) có sẵn xung quanh bạn.



**Bước 6:** Hoàn tất và trải nghiệm:

Chúc mừng! Các thiết bị đã được cài đặt hoàn tất. Hãy trải nghiệm hệ thống WiFi của bạn.



## Bước 7: Quản lý mạng WiFi trong nhà bạn:

Bây giờ, bạn có thể...

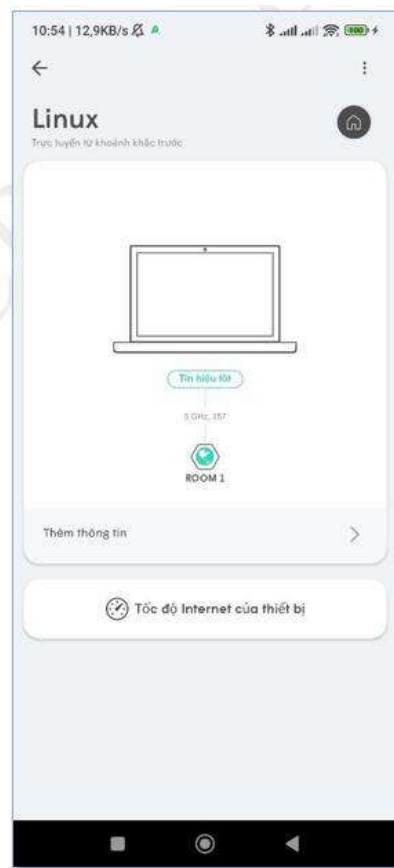
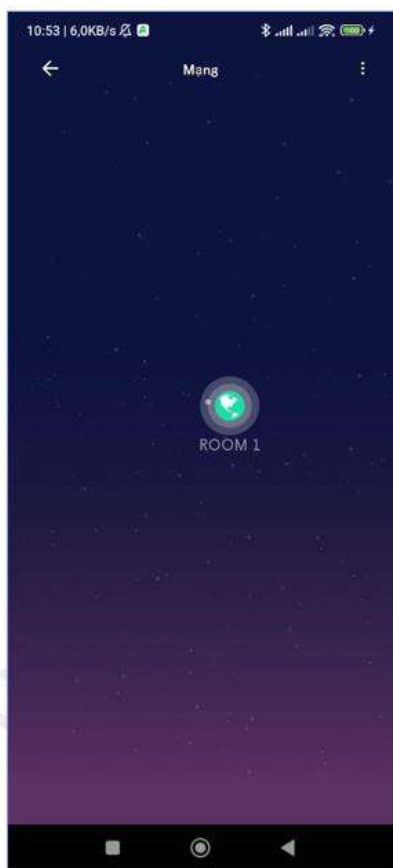
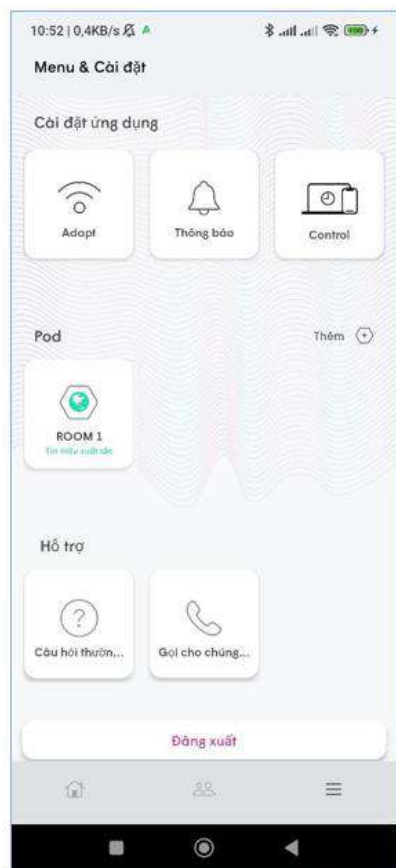
Quản lý WiFi

Thêm các Pods (Access Point mới)

Kiểm tra trạng thái thiết bị.

Kiểm tra tốc độ đường truyền Internet.

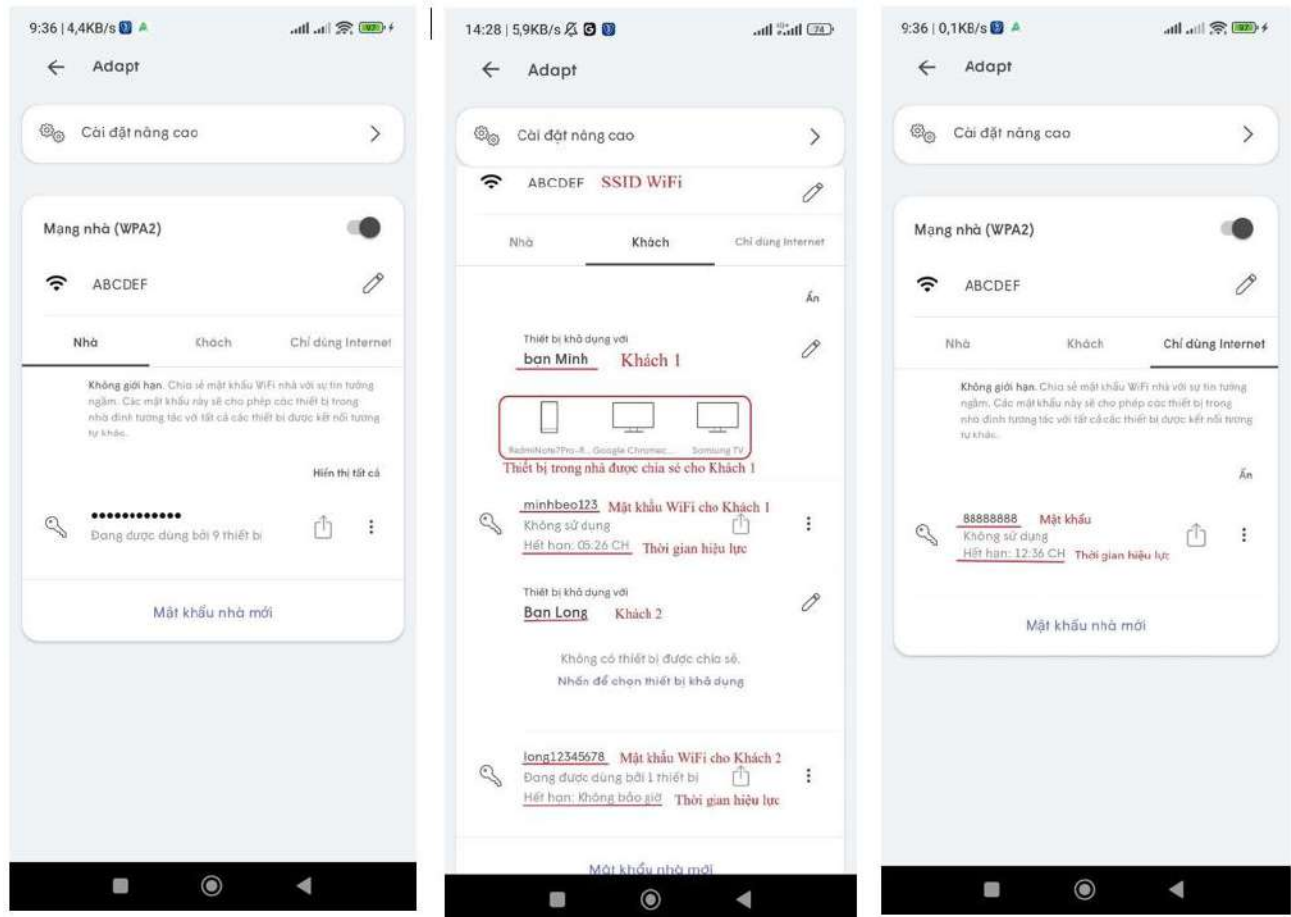
Thiết lập bảo mật. Và hơn thế nữa...



## 2.2. Tính năng mới trên AP AX8000C

### 2.2.1. Adapt-Quản lý WiFi

Người dùng có thể phân quyền mạng WiFi bằng cách thiết lập nhiều mật khẩu mà vẫn dùng chung 1 WiFi SSID.



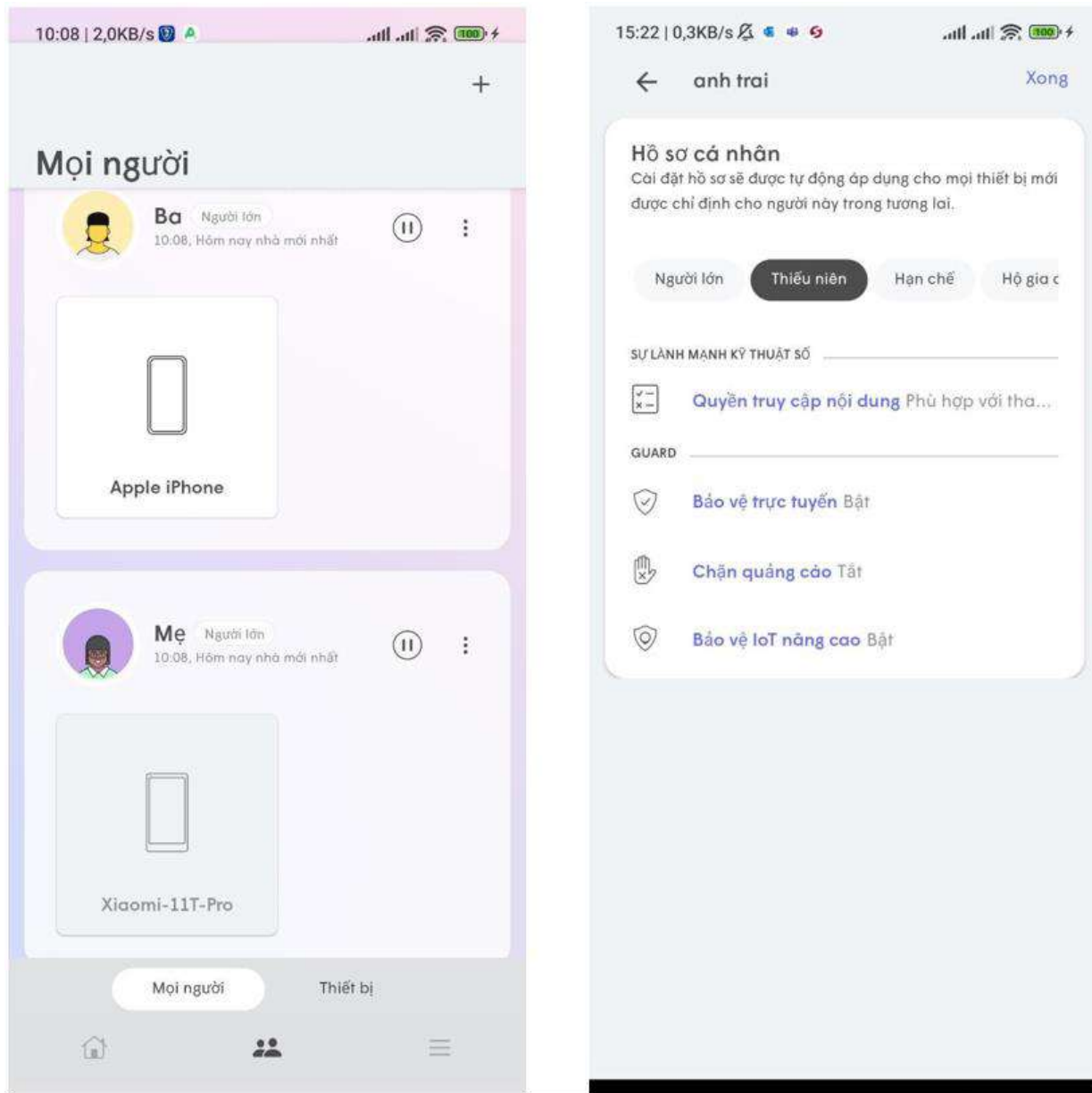
Mạng “Nhà”: Người dùng được toàn quyền và toàn thời gian sử dụng. Các thiết bị trong gia đình thường sử dụng mật khẩu này.

Mạng “Khách”: Cùng tên mạng WiFi với “Nhà”, sử dụng mật khẩu khác nhau cho khách tới thăm, có thể giới hạn thời gian và thiết bị sử dụng cho từng khách (như hình trên).

Các thiết bị trong mạng “Khách” có thể kết nối với thiết bị trong mạng “Nhà” để chia sẻ file, streaming, in ấn...

Mạng “Chỉ dùng Internet”: Cùng tên mạng WiFi “Nhà”, sử dụng 1 mật khẩu khác, giới hạn thời gian sử dụng và chỉ sử dụng được dịch vụ internet. Ngoài ra không có khả năng kết nối đến các thiết bị trong mạng.

### 2.2.2 Tạo hồ sơ cho từng thành viên trong gia đình:



Người dùng có thể tạo hồ sơ và gán các thiết bị sử dụng của từng thành viên trong gia đình, dễ dàng phân quyền và quản lý nội dung phù hợp cho từng thành viên:

**Người lớn:** hồ sơ phù hợp cho người dùng > 20 tuổi, không hạn chế các nội dung truy cập

**Thiếu niên:** hồ sơ phù hợp cho thanh thiếu niên độ tuổi 12-20, hầu hết các nội dung được cho phép truy cập ngoại trừ các nội dung quá nhạy cảm, không phù hợp với độ tuổi này.

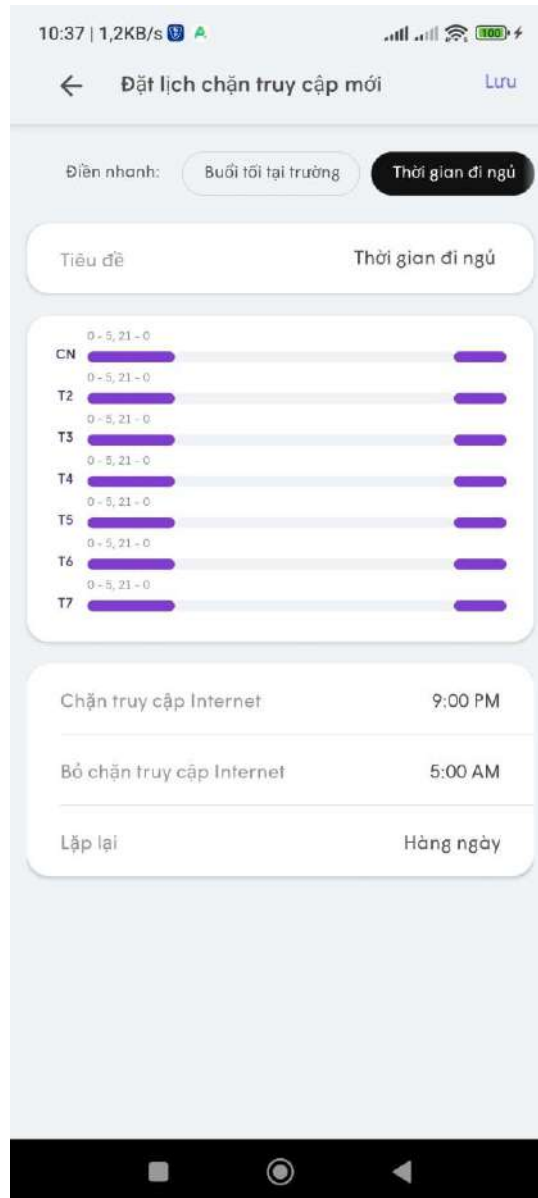
**Hạn chế:** chỉ được truy cập các nội dung phù hợp với trẻ em

**Hộ gia đình:** hồ sơ dùng chung cho gia đình. Chặn tất cả các nội dung nhạy cảm phù hợp người lớn

### 2.2.3. Quản lý thời gian truy cập “Control”

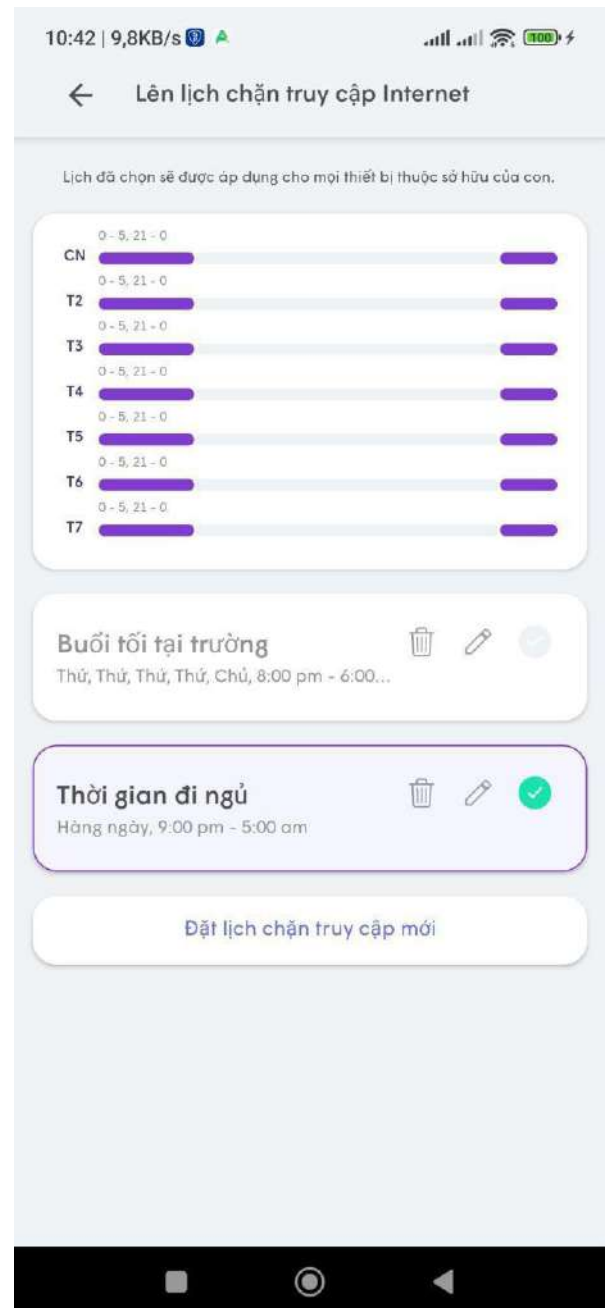
Người dùng có thể quản lý thời gian truy nhập của toàn bộ thiết bị trong mạng hoặc thiết lập cho riêng từng hồ sơ thành viên trong gia đình.

Quản lý thời gian truy cập cho toàn bộ thiết bị:



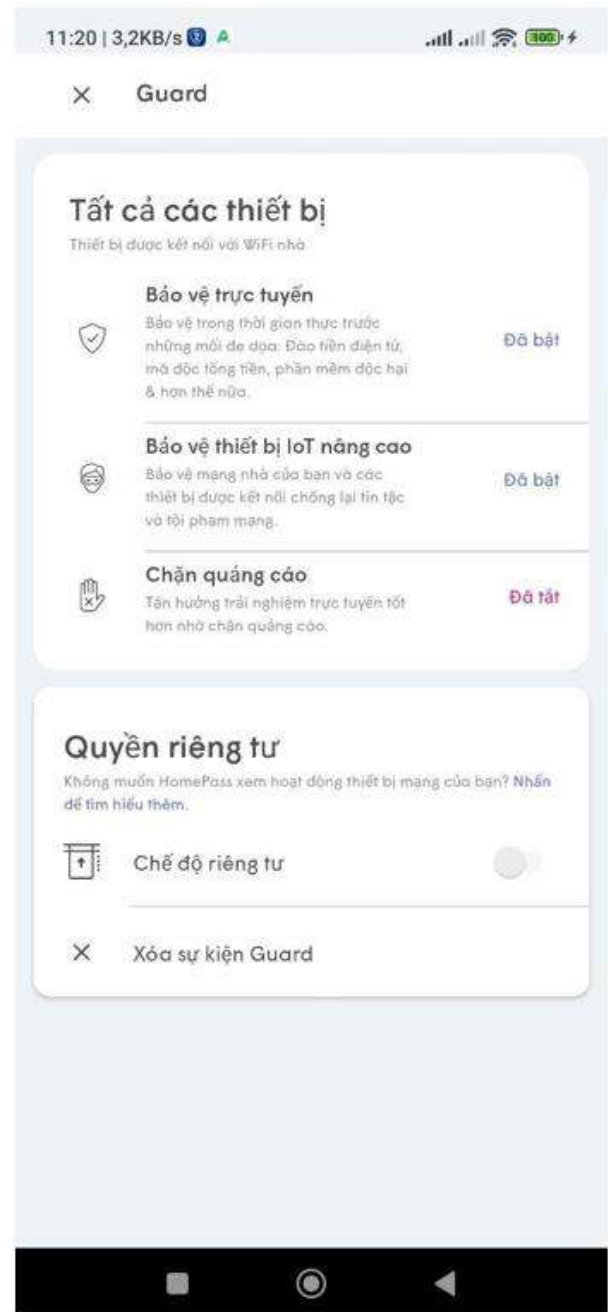
Ví dụ trong hình trên, thời gian đi ngủ tắt cả các ngày trong tuần từ 9:00PM-5:00AM, trong thời gian này tắt cả các thiết bị trong gia đình sẽ bị chặn truy cập.

Quản lý thời gian truy cập cho từng thành viên:



Trong hình trên người dùng có thể thiết lập lịch truy cập cho “con gái” với “thời gian đi ngủ” từ 9:00PM-5:00AM tất cả các ngày trong tuần.

#### 2.2.4. Tính năng GUARD bảo vệ trực tuyến:



Mặc định tính năng “Guard” được bật để bảo vệ người dùng:

Bảo vệ trực tuyến: giúp người dùng tránh được các mối đe dọa: đào tiền điện tử, mã độc tổng tiền và phần mềm độc hại.

Bảo vệ thiết bị IoT nâng cao: bảo vệ các thiết bị trong nhà khỏi các mối tấn công DDOS.



Người dùng có thể giám sát và thiết lập cho phép/chặn theo yêu cầu đặc biệt

GUARD có thể được áp cho tất cả thành viên trong “Nhà” hoặc cho từng thành viên riêng biệt:

Tab “**Được bảo vệ**” : Hiển thị tất cả sự kiện xảy ra như: chặn quảng cáo (màu xanh dương), chặn các trang web độc hại (màu đỏ), truy vào vào các trang web được cho phép (màu xanh lá cây) ...

Tab “**Cho phép**”: thêm các trang web mà người dùng có thể truy cập được

Tab “**Chặn**”: thêm các trang web sẽ bị chặn truy cập

5. Tính năng Speedtest:

Kiểm tra tốc độ Internet trên Modem:

Người dùng có thể kiểm tra tốc độ Internet của Modem dễ dàng chỉ bằng một chạm” kiểm tra tốc độ” trên giao diện FPT 360 WiFi.



Người dùng cũng có thể kiểm tra lại lịch sử kết quả speedtest tối đa trong vòng 30 ngày.

Kiểm tra tốc độ Internet trên thiết bị người dùng:

Người dùng có thể đo tốc độ Internet từ smartphone/tablet của mình, khi kết nối với access point AX8000C như hình dưới.

